

# VAI TRÒ CỦA NĂNG LỰC TƯ DUY BIỆN CHỨNG ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN SƯ PHẠM

○ TRẦN VIỆT QUANG\*

**N**ăng lực tư duy biện chứng (TDBC) là tổng hợp những phẩm chất tư duy ở trình độ cao, là khả năng nắm bắt và vận dụng nhuần nhuyễn, linh hoạt, sáng tạo các nguyên lí, phạm trù, quy luật của phép biện chứng với tư cách là phương pháp (PP) nhận thức và nguyên tắc mà tư duy phải tuân theo nhằm giải quyết một cách hiệu quả nhất những vấn đề nhận thức và thực tiễn đang đặt ra.

Đối với hoạt động học tập của sinh viên sư phạm (SVSP), năng lực TDBC có những vai trò:

## 1. Giúp SVSP tiếp nhận, trau dồi PPDH, cũng như rèn luyện cách thức lựa chọn, vận dụng PPDH một cách tối ưu

Hoạt động dạy học là hoạt động của người dạy và người học trong sự tương tác lẫn nhau, nhằm thực hiện nội dung dạy học. Hoạt động dạy của người thầy bao gồm những loại công việc chủ yếu như: vạch kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án; truyền thụ hay tổ chức sự lĩnh hội nội dung; kiểm tra tiến trình và kết quả của hoạt động học. Để thực hiện công việc của mình, người thầy phải nắm vững PPDH và phải biết lựa chọn, vận dụng PPDH.

PPDH là cách thức tiến hành các hoạt động của thầy và trò, dưới sự chỉ đạo của thầy nhằm thực hiện một nội dung dạy học đã được xác định. PP dạy có vai trò quan trọng đối với hoạt động dạy học.

Cách tiếp cận của C.Mác về vấn đề PP giúp ta nhìn thấy được vai trò của PPDH đối với hoạt động dạy học. C.Mác nhận xét rằng: các thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với tư liệu lao động nào (1). Cách tiếp cận này của C.Mác về PP cho ta thấy: trình độ và hiệu quả dạy học được quyết định bởi PP và phương tiện dạy học. Cùng một mục tiêu hình thành thao tác kĩ thuật cho người học, nếu chỉ bằng cách truyền đạt kinh nghiệm của người thợ cho người học việc theo phương thức cầm tay chỉ việc, thì hiệu quả thấp hơn nhiều so với việc đào tạo theo PP khoa học, với sự hỗ trợ của các phương tiện hiện đại. Khi đã xác định được mục đích, nội dung thì PP trở thành nhân tố góp phần quyết định kết quả

dạy học. Với những điều kiện dạy học nhất định, PPDH càng khoa học thì kết quả hoạt động dạy học đạt được càng cao và ngược lại. Cùng một nội dung như nhau nhưng học sinh học tập có hứng thú, có tích cực hay không, giờ học có phát huy được trí sáng tạo của người học hay không, có để lại những dấu ấn sâu sắc hay không, phần lớn phụ thuộc vào PPDH của người thầy.

Trong bối cảnh phát triển vô cùng mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện nay, việc vận dụng những PPDH khoa học, hiện đại nhằm rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí, đem lại hiệu quả cao trong việc chiếm lĩnh tri thức, kĩ năng đang là xu hướng rất được chú trọng trong giáo dục - đào tạo.

Cách tiếp cận của triết học biện chứng về PP là cơ sở PP luận xuất phát để xác định PP và PP luận dạy học. Theo G.Hêghen, «PP là ý thức về hình thức của sự tự vận động nội tại của bản thân nội dung» (2). Vì vậy, mỗi một nội dung dạy học có một PP đặc thù, PP phụ thuộc vào nội dung, do nội dung quy định. Chẳng hạn, để hình thành cho người học những biểu tượng chung về các điểm giống nhau của các sự vật như các vật hình tròn, hình tam giác, hình vuông, v.v... thì phải cho người học quan sát nhiều sự vật kết hợp với giảng giải của người dạy. Khi hình thành kĩ năng sử dụng một đồ vật, thì PP chủ yếu là hướng dẫn hành động và luyện tập cách sử dụng nó.

Cách tiếp cận về vấn đề PP của C.Mác cho chúng ta thấy rằng, PPDH có tính độc lập tương đối so với nội dung dạy học. Quá trình dạy học được tiến hành bởi nhiều PP dạy và học khác nhau.

PPDH trong nhà trường hiện nay có nhiều loại, nhiều cấp độ khác nhau. Trong hoạt động dạy học, giảng viên (GV) phải nắm vững các PPDH áp dụng cho nhiều bộ môn khác nhau trong nhà trường hiện nay: PP thuyết trình, PP giải thích và trình diễn, PP vấn đáp và kĩ thuật đặt câu hỏi, PPDH theo mô hình thầy thiết kế - trò thi công, PPDH bằng tình huống, v.v... Bên cạnh đó, giáo viên từng bộ môn phải nắm

\* Trường Đại học Vinh





được các PPDH của bộ môn mình: PPDH Toán, PPDH Vật lí, PPDH Lịch sử, v.v...

Mỗi PP đều có vị trí nhất định, đồng thời giữa chúng lại có quan hệ biện chứng với nhau. Do đó, không nên coi PP là ngang bằng nhau hoặc thay thế PP này bằng PP khác một cách tùy tiện, không nên đề cao PP này và hạ thấp PP kia. Trong quá trình dạy học, GV thường sử dụng một cách phối hợp, đan xen các loại PP. Cùng một đối tượng, một nội dung chương trình, GV có thể sử dụng nhiều PP khác nhau, nhưng trong đó phải biết lựa chọn những PP tối ưu nhất, mang lại hiệu quả cao nhất.

Như vậy, trong hoạt động dạy học, người thầy phải xây dựng cho mình một hệ thống các PPDH và phải biết sử dụng các PP đó một cách thành thạo, thích hợp để đạt được kết quả cao nhất. Điều này đòi hỏi người thầy phải được trang bị PP luận dạy học. Nhưng PP luận dạy học tất yếu dựa trên PP luận triết học với tính cách là hệ thống những quan điểm, những nguyên tắc chung nhất làm căn cứ xuất phát cho việc xác định PP luận chung, PP luận bộ môn và các PP hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn.

Trong triết học Mác - Lênin, lí luận và PP, thế giới quan và PP luận thống nhất với nhau trong một chỉnh thể và trở thành một học thuyết phản ánh đúng đắn hiện thực khách quan, đồng thời chỉ ra những cách thức để định hướng cho con người trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn. Do vậy, để xây dựng, lựa chọn PPDH cũng như xác định phạm vi, khả năng ứng dụng PPDH một cách hợp lí, đạt kết quả cao nhất, người thầy phải nắm bắt và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các nguyên lí, phạm trù, quy luật của triết học Mác - Lênin với tính cách là PP và nguyên tắc hoạt động. Nói cách khác, để tiếp nhận, trau dồi PPDH, cũng như rèn luyện cách thức lựa chọn, vận dụng PPDH một cách tối ưu, SVSP cần xây dựng cho mình năng lực TDBC.

## **2. Giúp SVSP rèn luyện khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết mâu thuẫn của quá trình dạy học**

Với năng lực TDBC, SVSP hiểu được tính tất yếu xuất hiện những mâu thuẫn của quá trình dạy học. Trong quá trình dạy học, nhận thức của người học biến đổi, phát triển không ngừng: từ chỗ người học chưa biết đến chỗ biết và biết ngày càng đầy đủ, sâu sắc hơn; từ chỗ người học nắm tri thức đến chỗ nắm kĩ năng rồi nắm kĩ xảo; từ chỗ người học biết vận dụng những điều đã học vào các tình huống quen thuộc đến chỗ biết vận dụng chúng vào các tình huống mới, trên cơ sở đó người học ngày càng hoàn thiện năng lực và các phẩm chất hoạt động trí tuệ của mình. Và nguồn gốc của sự phát triển nhận thức chính là mâu thuẫn vốn có, mâu thuẫn tất yếu nảy

sinh trong quá trình dạy học nói chung, quá trình nhận thức của người học nói riêng. Đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu, nhiệm vụ học tập mới với trình độ hiện có còn hạn chế của người học; mâu thuẫn giữa mục đích, nhiệm vụ dạy học đã được nâng cao với nội dung dạy học còn lạc hậu; mâu thuẫn giữa nội dung dạy học được hiện đại hóa với PP, phương tiện dạy học cũ kĩ, v.v...

Năng lực TDBC chính là công cụ giúp người thầy trong việc phân tích mâu thuẫn của quá trình dạy học. Cũng như tất cả mọi mâu thuẫn, mâu thuẫn của quá trình dạy học có quá trình phát sinh, biến đổi, phát triển. Chính vì vậy, cần phân tích quá trình phát sinh, phát triển của mâu thuẫn trong từng điều kiện, từng giai đoạn cụ thể. Phân tích mâu thuẫn của quá trình dạy học đòi hỏi phải biết phân loại mâu thuẫn, xác định vai trò, vị trí của các mâu thuẫn, nhất là mâu thuẫn cơ bản, mâu thuẫn bên trong, mâu thuẫn chủ yếu. Mâu thuẫn cơ bản của quá trình dạy học là mâu thuẫn giữa nhiệm vụ học tập do tiến trình dạy học đề ra với trình độ phát triển trí tuệ hiện có của người học. Mâu thuẫn này tồn tại trong suốt quá trình dạy học, tạo nên bản chất của hoạt động dạy học và chi phối các mâu thuẫn khác của quá trình dạy học.

Năng lực TDBC không những giúp SVSP phát hiện, phân tích mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình dạy học mà còn giúp họ giải quyết mâu thuẫn. Người thầy không được «lảng tránh» mâu thuẫn mà phải thường xuyên phát hiện, phân tích mâu thuẫn và cùng với người học giải quyết mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình dạy học. Mâu thuẫn của quá trình dạy học chỉ được giải quyết khi có đủ điều kiện chín muồi và được giải quyết bằng con đường «đấu tranh» của các mặt đối lập. Việc giải quyết mâu thuẫn đòi hỏi phải có PP phù hợp, phương tiện và lực lượng cần thiết. PP giải quyết mâu thuẫn này phụ thuộc vào tính chất của từng loại mâu thuẫn, vào những điều kiện cụ thể của quá trình dạy học.

## **3. Giúp SVSP rèn luyện và phát triển năng lực TDBC cho học sinh thông qua quá trình dạy học sau này**

Năng lực TDBC là tổng hợp những phẩm chất tư duy ở trình độ cao, bao hàm trong đó tư duy tích cực, tư duy độc lập và tư duy sáng tạo. Bên cạnh việc truyền thụ kiến thức, mục tiêu vụ quan trọng của dạy học là hình thành ở người học tính tích cực của tư duy, cũng như năng lực tư duy độc lập, năng lực tư duy sáng tạo và năng lực TDBC.

Tính tích cực của tư duy là trạng thái hoạt động của người học đặc trưng bởi khát vọng học tập, huy động trí tuệ và nghị lực cao trong quá trình nắm vững kiến thức. Chẳng hạn một SV chăm chú nghe GV giảng cách chứng minh định lí, cố gắng để hiểu



được tài liệu, như vậy ở đây có thể nói đến tư duy tích cực.

Tính độc lập của tư duy là năng lực, nhu cầu học tập và tính tổ chức học tập, cho phép học sinh tự học, mà không có sự can thiệp trực tiếp từ bên ngoài. Nếu GV đáng lẽ giải thích, lại yêu cầu SV tự phân tích định lý dựa theo bài đọc trong sách giáo khoa, tự nghiên cứu phần tương ứng thì trong trường hợp này có thể nói đến tư duy độc lập (và tất nhiên, cũng là tư duy tích cực).

Tính sáng tạo của tư duy là năng lực tự khám phá cái mới, tự tìm ra cách chứng minh mà họ chưa biết. Cái mới ở đây chủ yếu là cái mới đối với bản thân người học, nhưng đồng thời cũng có ý nghĩa xã hội. Tư duy sáng tạo đặc trưng bởi những yếu tố như: tính mềm dẻo (dễ dàng chuyển từ hoạt động trí tuệ này sang hoạt động trí tuệ khác, suy nghĩ không rập khuôn); tính nhuần nhuyễn (khả năng tìm được nhiều giải pháp trên nhiều góc độ và tình huống khác nhau, khả năng xem xét đối tượng dưới những khía cạnh khác nhau); tính nhạy cảm vấn đề (khả năng nhanh chóng phát hiện vấn đề, khả năng phát hiện ra mâu thuẫn, sai lầm, thiếu logic, chưa tối ưu từ đó có nhu cầu cấu trúc lại, tạo ra cái mới).

Giữa «tư duy tích cực», «tư duy độc lập» «tư duy sáng tạo» và «TDBC» có mối quan hệ mật thiết với nhau. «Tư duy tích cực», «tư duy độc lập», «tư duy sáng tạo» và «TDBC» có thể hình dung như những đường tròn đồng tâm. Không phải mọi tư duy tích cực đều là tư

duy độc lập, không phải mọi tư duy độc lập đều là tư duy sáng tạo và không phải mọi tư duy sáng tạo đều là TDBC, nhưng TDBC bao hàm tư duy sáng tạo, tư duy độc lập và tư duy tích cực. Dạy học phải vươn tới mục tiêu rèn luyện, trau dồi năng lực TDBC cho người học. Năng lực TDBC chính là sức mạnh, là công cụ để nhận thức đối tượng một cách đúng đắn, để làm chủ tri thức khoa học và thực hành giỏi.

Để thực hiện được mục tiêu rèn luyện và phát triển năng lực TDBC cho học sinh, bản thân người thầy giáo nhất thiết phải được trang bị năng lực TDBC. Nếu không có được năng lực TDBC thì người dạy sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ của mình là rèn luyện năng lực TDBC cho người học. Người dạy có năng lực TDBC đến đâu thì kết quả rèn luyện TDBC cho người học sẽ đạt tới đó. Như vậy, điều kiện để rèn luyện năng lực TDBC cho người học là người dạy phải có năng lực TDBC.

Qua những phân tích trên cho chúng ta thấy rằng năng lực TDBC là khả năng, điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện những hoạt động dạy học của nhà giáo. Vì vậy, xây dựng, trau dồi năng lực TDBC cho SVSP trở thành mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của các trường, các khoa sư phạm. □

---

1. C.Mác - Ph.Ăngghen. **Toàn tập**, t.23. NXB Chính trị quốc gia, H. 1993.

2. V.I.Lênin. **Toàn tập**, t.29. NXB Chính trị quốc gia, H 2006, tr 105.